

Một số ý kiến về quản lý thuế

Thạc sĩ TRẦN TRÍ TRINH

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, phản ánh bản chất của chế độ xã hội. Do vậy trong quản lý thuế, Nhà nước cần phải luôn hoàn thiện để một mặt bảo đảm nguồn thu cho Nhà nước, mặt khác động viên được sự đóng góp của toàn dân trong việc tạo ra một nguồn lực tài chính đủ mạnh để phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

1. Quan niệm về thuế

Có nhiều quan niệm khác nhau về thuế.

Joseph E. Stiglitz trong quyển "Kinh tế cộng đồng" cho rằng "Các cá nhân cung cấp trực tiếp các dịch vụ cho chủ thái ấp, đây là thuế nhưng chưa được tiền tệ hóa".

Theo G. Jege trong cuốn "Tài chính công" cho rằng: "Thuế là một khoản thu bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp cho các công dân đóng góp cho nhà nước thông qua con đường quyền lực nhằm bù đắp những chi phí của nhà nước".

Một quan niệm khác cho rằng: Thuế là hình thức đóng góp nghĩa vụ theo luật định của các doanh nghiệp và dân cư cho nhà nước bằng một phần thu nhập của mình.

Các quan niệm trên đây tuy cách diễn đạt khác nhau song đều thống nhất những nội dung chính của thuế là:

- Thuế là biện pháp động viên của nhà nước mang tính chất bắt buộc đối với các tổ chức và mọi thành viên trong xã hội, gắn liền với quyền lực chính trị của nhà nước.

- Thuế là khoản đóng góp nghĩa vụ, bắt buộc mọi tổ chức và thành viên trong xã hội phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế là một bộ phận của cải từ khu vực tư chuyển vào khu vực công nhằm trang trải những chi phí nuôi sống bộ máy nhà nước và trang trải các chi phí công cộng mang lại lợi ích chung cho cộng đồng.

- Thuế là một hình thức phân phối thu nhập được nhà nước sử dụng để động viên một phần thu nhập của các tổ chức và cá nhân trong xã hội vào ngân sách nhà nước.

Từ những phân tích trên đây, chúng ta có thể nhận thức một cách toàn diện về thuế như sau:

Thuế là một hình thức động viên bắt buộc của nhà nước, thuộc phạm trù phân phối nhằm tập trung một bộ

phận nguồn lực của cải xã hội vào ngân sách nhà nước để đáp ứng với nhu cầu chi tiêu của nhà nước thích ứng từng giai đoạn phát triển của đời sống kinh tế - xã hội.

2. Vai trò của thuế trong nền kinh tế

• *Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước*

Một nền tài chính quốc gia lành mạnh phải dựa chủ yếu vào nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế quốc dân.

Thuế là công cụ quan trọng nhất để phân phối lại các thu nhập theo đường lối xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, nguồn thu từ nước ngoài đã giảm nhiều, kinh tế đối ngoại chịu sức ép của quan hệ "mua bán sòng phẳng", "có vay, có trả", thuế phải là công cụ quan trọng góp phần tích cực giảm bội chi ngân sách, giảm lạm phát, ổn định kinh tế - xã hội, chuẩn bị điều kiện và tiền đề cho việc phát triển đất nước lâu dài. Thuế phải trở thành nguồn thu chủ yếu, bộ phận cơ bản của nền tài chính quốc gia lành mạnh.

Với nền kinh tế nhiều thành phần, hệ thống thuế được áp dụng thống nhất giữa các thành phần kinh tế. Thuế phải bao quát được hầu hết các hoạt động kinh doanh, các nguồn thu nhập trong xã hội ...

Mục tiêu của Quốc hội đề ra trong những năm tới là động viên về thuế chiếm khoảng 20 đến 25% GDP và ổn định mức đóng góp về thuế. Mức động viên trên đây là phù hợp với khả năng kinh tế, phù hợp với sức đóng góp của nhân dân, bảo đảm phần lớn các nhu cầu chi tiêu của ngân sách nhà nước, nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế theo hướng có lợi cho quốc kế dân sinh.

Nhà nước ta luôn coi thuế là nguồn thu chủ yếu và quan trọng nhất của ngân sách nhà nước.

• *Thuế là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước*

Thông qua việc xây dựng đúng đắn cơ cấu và mối quan hệ giữa các sắc thuế, việc xác định hợp lý người nộp thuế, đối tượng đánh thuế, thuế suất, chế độ miễn giảm, phương pháp quản lý thu thuế dựa trên cơ sở hạch toán kế toán đầy đủ, chính xác, thuế là công cụ điều tiết đối với thu nhập của các tầng lớp xã hội thể hiện trên hai mặt: khuyến khích, nâng đỡ những hoạt động kinh doanh cần thiết làm ăn có hiệu quả; đồng thời thu hẹp, kìm hãm những ngành nghề, mặt hàng cần hạn chế sản xuất, hạn chế tiêu dùng theo hướng tiết kiệm, chống lãng phí.

Thuế còn khuyến khích việc bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, khuyến khích các cơ sở kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật. Thuế góp phần khuyến khích khai thác nguyên liệu, vật tư trong việc tranh thủ vốn hợp tác của nước ngoài để phát triển kinh tế hàng hóa, không ngừng nâng cao khả năng tích lũy, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, bảo vệ sản xuất trong nước.

Thuế thúc đẩy mở rộng thị trường một cách lành mạnh, vừa khuyến khích giao lưu hàng hóa, vừa đấu tranh hạn chế mua bán lòng vòng qua nhiều khâu trung gian, đầu cơ tích trữ để hưởng chênh lệch giá.

• **Thuế góp phần bảo đảm bình đẳng giữa các thành phần kinh tế**

Hệ thống thuế được áp dụng thống nhất giữa các ngành nghề, các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư theo nguyên tắc đảm bảo công bằng và bình đẳng trong làm nghĩa vụ và quyền lợi.

Sự bình đẳng và công bằng được thể hiện thông qua chính sách động viên giống nhau (thuế suất) giữa các tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế cùng hoạt động trong một lĩnh vực, bảo đảm sự công bằng và bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ với mọi công dân, không có những đặc quyền, đặc lợi cho bất cứ đối tượng nào. Thuế kích thích mọi công dân, doanh nghiệp cải tiến kỹ thuật, đầu tư vốn, đầu tư chất xám, làm ăn giỏi và có thu nhập cao một cách chính đáng.

Để đảm bảo bình đẳng, công bằng phải có biện pháp chống thất thu thuế có hiệu quả về số đối tượng kê khai nộp thuế, về căn cứ tính thuế, về chế độ miễn giảm thuế, về kiểm tra, xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm.

Nhận thức đúng đắn, tự nguyện, tự giác chấp hành các nghĩa vụ khai báo, chế độ giữ sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn, nộp thuế của các chủ thể, nộp thuế theo đúng pháp luật cũng là yếu tố quan trọng bảo đảm bình đẳng và công bằng về thuế.

3. Thực trạng quản lý thuế ở nước ta

• **Về hệ thống thuế**

Sau Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986), đất nước ta triển khai thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên mọi lĩnh vực kinh tế xã hội. Trong lĩnh vực tài chính, nhà nước đã tiến hành cải cách hệ thống thuế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển các thành phần kinh tế một cách bình đẳng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở cải cách thuế giai đoạn I (1986 – 1995) và những kết quả ban đầu của cải cách thuế giai đoạn II (1996 – 2005), một hệ thống thuế mới có tính hiện đại, thống nhất đã được hình thành và củng cố ở nước ta.

Tính đến nay, hệ thống thuế nước ta bao gồm 9 sắc thuế chủ yếu, được chế tài bằng 6 luật, 3 pháp lệnh, áp dụng thống nhất đối với mọi đối tượng nộp thuế của các thành phần kinh tế. Các khoản thu khác có quy mô nhỏ, mang tính chất chi phí, lệ phí như thuế môn bài, lệ phí trước bạ được quy định bởi các văn bản pháp quy có giá trị pháp lý thấp hơn, tạo nên nguồn thu của ngân sách nhà nước. Riêng thuế sát sinh đã được Quốc hội khóa X quyết định bãi bỏ tại kỳ họp thứ 4 (tháng 12 năm 1998).

Dưới góc độ pháp luật, so với thời kỳ trước đổi mới, có thể thấy rằng việc luật pháp hóa chế độ thuế là tiến bộ quan trọng của ngành tài chính trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Về cơ bản, thuế và các nguồn thu ngân sách nhà nước đã được chế tài bằng pháp luật. Nghĩa vụ và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế được xác định công khai bằng pháp luật. Trên cơ sở đó, nguồn thu ngân sách nhà nước được ổn định và Chính phủ có cơ sở pháp lý để chủ

động điều hành ngân sách nhà nước.

Bảng 1: Các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam

Sắc thuế	Ngày ban hành	Hiệu lực từ ngày	Hình thức
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	10.7.1993	1.1.1994	Luật
Thuế nhà, đất	19.5.1994	1.1.1995	Pháp lệnh sửa đổi
Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	19.5.1994	1.6.1994	Pháp lệnh sửa đổi
Thuế chuyển quyền sử dụng đất	22.6.1994	1.7.1994	Luật
Thuế tài nguyên	16.4.1998	1.6.1998	Pháp lệnh sửa đổi
Thuế giá trị gia tăng	10.5.1997	1.1.1999	Luật
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.5.1997	1.1.1999	Luật
Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.5.1997	1.1.1999	Luật sửa đổi
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	20.5.1998	1.1.1999	Luật sửa đổi

Hệ thống thuế đã từng bước khắc phục những yếu kém của hệ thống cũ trên các mặt sau:

- Xóa bỏ sự phân biệt đối xử về thuế giữa các thành phần kinh tế thông qua việc ban hành và áp dụng các chế độ nghĩa vụ khác nhau như chế độ thu quốc doanh, chế độ phân phối, trích nộp lợi nhuận, chế độ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế công thương nghiệp ...

- Tăng cường được tính pháp quy của hệ thống thuế. Trước đây hình thức cao nhất chỉ là pháp lệnh về thuế.

- Giảm phức tạp cả về phạm vi, đối tượng chịu thuế và cơ sở tính thuế, thuế suất, chế độ miễn giảm ... Do đó, khắc phục tình trạng hiểu luật theo nhiều nghĩa đều có thể đúng, hạn chế tình trạng tùy tiện thỏa thuận các vấn đề về thuế hoặc ban phát sự miễn giảm thuế ...

- Bước đầu giảm bớt một phần các mục tiêu nhiệm vụ gắn cho thuế, kể cả mục tiêu, nhiệm vụ giải quyết “chính sách xã hội”. Các mục tiêu, nhiệm vụ nhiều khi mâu thuẫn lẫn nhau như vừa nhằm tăng thu ngân sách nhà nước vừa kích thích sản xuất phát triển; bảo hộ sản xuất trong nước và hội nhập quốc tế về thuế; bình đẳng và củng cố vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và khuyến khích hợp lý các thành phần kinh tế khác ...

- Chính sách thuế đã góp phần khuyến khích đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế chuyển quyền sử dụng đất ... đã có những quy định khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Chẳng hạn, luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định cơ sở sản xuất mới thành lập được miễn thuế 2 năm đầu, được giảm 50% trong 2 năm tiếp theo. Luật thuế giá trị gia tăng tạo điều kiện giảm giá thành các công trình đầu tư xây dựng cơ bản khoảng 10% so với trước đây vì số thuế này được hạch toán riêng không tính vào giá thành công trình như thuế doanh thu. Thuế giá trị gia tăng còn thúc đẩy sản xuất kinh doanh và lưu thông hàng hóa vì chỉ tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa

dịch vụ, nhờ đó khắc phục được nhược điểm đánh thuế trùng của thuế doanh thu trước đây.

- Chính sách thuế đã bắt đầu phát huy được tác dụng quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Hệ thống thuế được áp dụng thống nhất đã tạo ra môi trường bình đẳng về pháp luật cho sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Chính sách thuế từng bước tạo ra sự công bằng về nghĩa vụ nộp thuế giữa các đối tượng khác nhau, góp phần thúc đẩy đầu tư vốn, cải tiến công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm giá thành...

- Chính sách thuế đã góp phần khuyến khích xuất khẩu. Hàng hóa xuất khẩu không phải chịu thuế giá trị gia tăng, đồng thời được hoàn lại toàn bộ số thuế giá trị gia tăng đã nộp ở đầu vào. Luật thuế thu doanh nghiệp cũng có quy định khuyến khích đối với doanh nghiệp xuất khẩu lớn: nếu dự án đầu tư có giá trị hàng hóa xuất khẩu trên 30% tổng giá trị được hưởng thuế suất ưu đãi 25%, nếu giá trị hàng hóa xuất khẩu trên 50% thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung.

- Chính sách thuế có tác dụng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng tiến bộ. Các luật thuế mới đã khuyến khích việc chuyển hướng sản xuất theo hướng xuất khẩu và hình thành cơ cấu kinh tế mới. Thông qua việc ưu đãi đầu tư, các luật thuế mới đã khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề, vùng kinh tế theo hướng phát triển do nhà nước đề ra. Nhà nước không thu thuế giá trị gia tăng đối với những ngành hàng mà Việt Nam có thế mạnh như nông sản, lâm sản, hải sản do nông dân sản xuất bán ra; đối với các cơ sở kinh doanh thu mua chế biến lại được khấu trừ đầu vào với một tỷ lệ ấn định từ 3-5% như hình thức trợ giá của nhà nước. Các biện pháp này đã có tác dụng tích cực đối với việc sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng này.

- Thuế đã có tác động tích cực đến việc tăng cường công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính sách thuế đã từng bước tương đồng và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Có thể nói, thành tựu nổi bật và bao trùm trong lĩnh vực thuế là việc chuyển hóa thành công từ hệ thống thuế chỉ phù hợp với cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang một hệ thống thuế mới thống nhất, có tính pháp quy cao nhưng lại đơn giản hơn và không phân biệt theo thành phần kinh tế.

• Về tổ chức bộ máy quản lý thuế

Thành tựu nổi bật và bao trùm trong lĩnh vực quản lý thuế là đã thống nhất hệ thống quản lý thuế trên cơ sở hợp nhất 3 hệ thống quản lý thuế độc lập: Cục thu quốc doanh, Cục thuế nông nghiệp và Cục thuế công thương nghiệp. Ngành thuế đã hình thành hệ thống quản lý thuế thống nhất từ trung ương đến địa phương để quản lý thuế. Tổng cục thuế trực thuộc Bộ tài chính ra đời theo Nghị định 281-HĐBT ngày 7.8.1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Hiện nay hệ thống quản lý thuế của nước ta được tổ chức như sau:

Ở Trung ương có Tổng cục thuế thuộc Bộ tài chính. Bộ máy giúp việc cơ quan Tổng cục gồm các phòng chức năng và các phòng nghiệp vụ.

Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các Cục thuế. Các Cục thuế chịu sự chỉ đạo song trùng của Tổng cục

thuế và Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Ở cấp quận, huyện và cấp tương đương có Chi cục thuế thuộc Cục thuế. Chi cục thuế chịu sự chỉ đạo song trùng của Cục thuế và Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Tổng cục thuế, Cục thuế, Chi cục thuế là tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước, có tư cách pháp nhân công quyền, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước. Kinh phí hoạt động của hệ thống quản lý thuế do ngân sách nhà nước đài thọ và được tổng hợp vào dự toán chi của Bộ tài chính.

Việc thống nhất hệ thống tổ chức bộ máy quản lý về thuế không những cho phép Nhà nước quản lý thống nhất chế độ thuế trong cả nước, mà còn tạo cơ sở về mặt tổ chức bảo đảm thực hiện thành công đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thuế.

4. Một số vấn đề tiếp tục đổi mới quản lý thuế

Đất nước ta đang tiếp tục triển khai đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa, đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế, điều này đã và đang rất cần một nguồn lực tài chính đủ mạnh. Trong bối cảnh như vậy, việc hoàn thiện quản lý thuế – nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước cần tiến hành với những nội dung sau:

Một là, tiếp tục cải cách, hoàn thiện các sắc luật về thuế theo các tiêu chuẩn cơ bản và hướng chính sau đây:

- Hệ thống thuế phải bao quát hết các nguồn thu và tăng thu – có nghĩa là phải huy động mọi nguồn thu, tăng thu trên cơ sở mở rộng diện thu với mức thuế suất vừa phải và đơn giản (thuế suất cao và thấp quá sẽ mất tác dụng của thuế).

- Xác định và lựa chọn đúng mục tiêu của thuế: Mục tiêu của thuế chủ yếu là kích thích, điều tiết kinh tế và tăng thu cho ngân sách nhà nước; không nên đặt ra cho thuế phải thực hiện một lúc nhiều mục tiêu liên quan đến chính sách xã hội.

- Thực hiện chính sách thuế bình đẳng đối với các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư, chống tình trạng trùng lặp trong thuế, chống thuế chồng lên thuế.

- Đơn giản hóa chính sách thuế: đơn giản cả về mặt thuế suất, thủ tục; dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ được đồng đạo người nộp thuế chấp nhận.

- Chính sách thuế phải có tác dụng tích cực trong phân phối thu nhập, điều tiết thu nhập hợp lý, tạo sự công bằng xã hội.

- Chính sách thuế phải bảo đảm ổn định trong một thời gian dài, tránh tình trạng thay đổi quá nhiều, gây trở ngại cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Chính sách thuế phải tạo ra điều kiện cho khả năng kiểm soát được: kiểm soát của người nộp thuế, người thu thuế và cơ quan quản lý thu thuế.

- Thu hẹp phạm vi diện miễn giảm thuế, tập trung vào các yêu cầu cơ bản của chính sách kinh tế, nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế – xã hội.

- Nâng cao hiệu lực pháp lý và hiệu quả của chính sách thuế. Áp dụng nghiêm minh hình thức thưởng phạt trong thuế, loại bỏ các khoản thu thuế không hiệu quả, do chi phí để thu thuế lớn hơn cả số tiền thu thuế được.

(Xem tiếp trang 40)

nước Nga hiện nay đều đã hoặc đang là cổ đông chủ yếu của một doanh nghiệp tư nhân hóa nào đó, dù cho con đường dẫn họ đến chức danh cổ đông đó có khác nhau. Rất nhiều (tuy không phải tất cả) vụ tư nhân hóa và chính sách cai quản công ty (corporate governance) sau tư nhân hóa ở Nga đã giúp cho một số người giàu lên một cách không chính đáng. Bài viết này chỉ đề cập một vài con đường trong số các con đường đó.

Các công ty Nga năm 2003 đã khác nhiều các công ty Nga những năm 90 của thế kỷ trước. Dưới áp lực của việc mở rộng thị trường, mở rộng thành phần cổ đông sang phương Tây và của việc niêm yết đồng thời trên nhiều thị trường chứng khoán, nhiều công ty Nga đã áp dụng những quy định kế toán quốc tế (như GAAP - General Accepted Accounting Principles) hay đã có cả một đường hướng cai quản công ty dài hạn. Một số người phạm pháp trong thời kỳ tư nhân hóa đã bị bắt (như Platon Lebedev, một trong những đồng minh của ông chủ Yukos tại công ty này hiện vẫn còn bị tạm giam). Tuy nhiên, bức

tranh có phần sáng sủa ấy không thể nào che lấp được những gì đã từng diễn ra. Cách làm ăn hợp pháp hiện hành không thể khóa lấp toàn bộ con đường làm giàu trong quá khứ.

Mặt khác, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam có nhiều điểm khác quan trọng, cơ bản so với quá trình tư nhân hóa ở Nga. Tuy nhiên, bài học kinh nghiệm để tránh không lặp lại đôi khi cũng có giá trị không kém so với bài học kinh nghiệm để làm theo ■

Tài liệu tham khảo

1. Black B., R. Kraakman, A. Tarassova (1999) "Russian Privatization and Corporate Governance: What Went Wrong?", hyperlink "<http://papers.ssrn.com>" <http://papers.ssrn.com>
2. Masnard M. (1999), "Emergence des Groupes et Corporate Governance en Russie", *Économie Internationale*, No. 11, 1er trimestre 1999.
3. Marie Lavigne (1999), *The Economics of Transition*, Mac Millan Press, London, 2nd. Ed.
4. <http://www.moscowtimes.ru>
5. <http://www.rts.ru>

(Tiếp theo trang 35)

Một số ý kiến về quản lý thuế

Hai là, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, thường xuyên trong mọi tổ chức và dân cư về các luật thuế và các văn bản dưới luật để họ hiểu rõ, nhận thức trách nhiệm, nghĩa vụ của người nộp thuế và tổ chức thực hiện tốt. Tạo điều kiện cho dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, đây là một sức mạnh to lớn để thực hiện chính sách chống trốn thuế, lậu thuế...

Ba là, tổ chức chỉ đạo công tác kê khai, đăng ký, xét duyệt đăng ký sản xuất kinh doanh làm cơ sở, làm căn cứ pháp lý để thu thuế.

Nắm vững khâu kê khai, đăng ký, xét duyệt đăng ký sản xuất kinh doanh. Đó là khâu quản lý vĩ mô quan trọng trong lĩnh vực kinh tế và là một khâu đi đầu trong quản lý thu thuế, thực hiện các điều khoản của các luật thuế có căn cứ pháp lý.

Bốn là, lập sổ thuế cho từng doanh nghiệp và hộ sản xuất, kinh doanh tại xã, phường, thị trấn. Sổ thuế được lập một lần và sử dụng trong nhiều năm; hàng năm nếu có thay đổi về chính sách thuế, căn cứ tính thuế, thì các doanh nghiệp và hộ sản xuất, kinh doanh phải kê khai để điều chỉnh lại.

Năm là, chỉ đạo tổ chức thu thuế và nộp thuế

Chính phủ tổ chức thực hiện các luật thuế. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan đến các luật thuế, phối hợp với Bộ tài chính ra các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc trình Chính phủ ban hành các văn bản cần thiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ để chỉ đạo thi hành các luật thuế.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) tổ chức chỉ đạo công tác thu thuế ở địa phương, xác định các căn cứ tính thuế (thí dụ: hạng đất), duyệt sổ thuế, quyết định giảm, miễn thuế, giá tính thuế... theo đề nghị của các cơ quan hành chính cấp dưới và cơ quan thuế. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có nhiệm vụ chỉ đạo công tác thu thuế ở địa phương, duyệt sổ thuế các xã, phường, thị trấn, đề nghị cấp trên những vấn đề cần thiết.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm trực tiếp tổ chức công tác thu thuế ở địa phương mình.

Hệ thống cơ quan thuế là cơ quan chuyên trách thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, tính thuế, thông báo thuế, thu thuế và thực hiện các xử phạt vi phạm luật thuế của những tổ chức và cá nhân nộp thuế, giúp ủy ban nhân dân các cấp về công tác có liên quan đến trách nhiệm của ủy ban nhân dân trong việc thực hiện luật thuế, phối hợp với cơ quan kho bạc nhà nước trong việc thu nộp thuế vào ngân sách nhà nước

Sáu là, tổ chức kiểm tra thực hiện các luật thuế.

Hệ thống thanh tra nhà nước, thanh tra tài chính, thanh tra thuế có quyền và có trách nhiệm tổ chức công tác thanh tra về thuế.

Các cấp chính quyền có trách nhiệm và quyền kiểm tra việc thi hành luật thuế trên cả 2 mặt: kiểm tra những người nộp thuế thi hành nghĩa vụ nộp thuế và kiểm tra các tổ chức thu thuế và cán bộ thuế thi hành luật thuế.

Bảy là, củng cố và tăng cường lực lượng cán bộ thuế, tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ thuế, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ thuế.

Kinh nghiệm ở các nước cũng như trong hơn 10 năm đổi mới ở nước ta cho thấy rằng cán bộ ngành thuế có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chống thất thu thuế, Đảng và Nhà nước ta coi đây là khâu then chốt trong quản lý thuế.

Hoàn thiện công tác cán bộ thuế cần thực hiện theo hướng:

- Hoàn thiện chế độ đãi ngộ cho cán bộ thuế một cách thỏa đáng, làm cho cán bộ thuế yên tâm công tác, tận tâm, tận lực thực hiện trách nhiệm của mình đối với nhà nước.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với ngành thuế theo hướng gắn trách nhiệm vật chất với nghĩa vụ quản lý thuế. Luật pháp cần có tính rắn đe mạnh. Điều đó cho phép hạn chế tiêu cực, tham nhũng của ngành thuế và cán bộ thuế do tác động của lợi ích vật chất chi phối.

Nền kinh tế thị trường hiện đại ở các nước đã khẳng định hiệu quả của vấn đề này ■